

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **14/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 25 – 01 – 2022

“V/v Tranh chấp của nam, nữ
chung sống với nhau như vợ chồng
mà không đăng ký kết hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp.

2. Ông Lê Ngọc Ân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Chương, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 386/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2021 về việc "Tranh chấp của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Chị Trương T, Sinh năm: 1992 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 158/6, Phạm Hồng T, khóm W, phường R, thành phố CM.

Bị đơn: Anh Nguyễn TT, Sinh năm: 1989 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 8A, đường Lộ M, khóm W, phường I, thành phố CM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa Chị Trương T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn TT tự nguyện chung sống với nhau vào tháng 01 năm 2021, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán nhưng không đăng ký kết hôn theo luật định. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc đến tháng 9 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị T là do anh chị bất đồng quan điểm dẫn đến cự cãi thường xuyên. Mâu thuẫn giữa vợ chồng cha mẹ hai bên có biết nhưng không tổ chức hòa giải hàn gắn. Anh chị đã ly thân

từ tháng 9 năm 2021 cho đến nay. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn anh TT.

Về con chung: Chị T xác định chưa có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị T xác định có nhưng anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị T xác định không nợ ai và không ai nợ lại anh chị nên không đề cập giải quyết.

Tại bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa anh Nguyễn TT trình bày:

Về thời gian chung sống, không đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, ly thân đúng như chị T trình bày. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với anh, anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh TT xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh TT xác định có nhưng anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh TT xác định vợ chồng anh chị không nợ ai và không ai nợ lại anh chị nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét đơn yêu cầu của chị Trương T về việc xin ly hôn với anh Nguyễn TT thuộc lĩnh vực hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình; Anh TT là bị đơn có nơi cư trú tại Số 8A, đường Lộ M, khóm W, phường I, thành phố CM, tỉnh CM nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Về hôn nhân: Chị Trương T và anh Nguyễn TT tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán ở địa phương. Có đủ điều kiện kết hôn nhưng anh, chị không có đăng ký kết hôn. Do đó, quan hệ hôn nhân của anh, chị đã vi phạm về đăng ký kết hôn được quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, cho nên hôn nhân giữa anh, chị không thỏa mãn về mặt hình thức. Nay anh, chị yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân do có nhiều mâu thuẫn dẫn đến cãi vã thường xuyên, không tin tưởng lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt. Anh, chị đã tự ly thân thời gian dài từ tháng 9 năm 2021 đến nay mà không bên nào có biện pháp gì để khắc phục tình trạng mâu thuẫn. Bên cạnh đó, chị T và anh TT đều xác định tình cảm vợ, chồng không còn.

Xét mâu thuẫn thực tế của chị T và anh TT đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đồng thời, hôn nhân có vi phạm về mặt hình thức nên anh chị không được công nhận là vợ, chồng.

[3] Về con chung: Anh T, chị TT xác định chưa có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Anh T, chị TT xác định có nhưng anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Anh T, chị TT khai rằng giữa anh, chị không có nợ chung nên không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 9, Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Trương T và anh Nguyễn TT là vợ chồng.

2. Về con chung: Anh T, chị TT xác định chưa có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Anh T, chị T xác định có nhưng anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh Tài, chị Tuyên khai rằng giữa anh chị không có nợ chung nên không đề cập giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị T phải chịu 300.000đồng. Ngày 08 tháng 12 năm 2021, chị T đã dự nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau theo biên lai số: 0000717 được đổi trừ chuyển thu sung công quỹ nhà nước.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND Tp Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Lê Thúy Dung